

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2015.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004, Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2010/NĐ-CP), Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU.

1. Mục đích.

- Tiến hành tự kiểm tra, kiểm tra nhằm phát hiện những văn bản có dấu hiệu trái pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành; tìm nguyên nhân và tiến hành xử lý, kiến nghị xử lý nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật do địa phương ban hành; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật.

- Thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện những văn bản chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp với văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, tình hình phát triển kinh tế- xã hội của địa phương để sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ, ban hành hành mới theo thẩm quyền hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ; định kỳ lập, công bố danh mục văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành hết hiệu lực một phần, hết hiệu lực toàn bộ.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương về tầm quan trọng của công tác soạn thảo, ban hành, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Yêu cầu.

- Công tác tự kiểm tra, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật bám sát nội dung quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004; các Nghị định số 40/2010/NĐ-CP và 16/2013/NĐ-CP của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Kon Tum;

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thường xuyên tự kiểm tra, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương, văn bản thuộc lĩnh vực ngành quản lý;

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản phải được tiến hành liên tục, toàn diện, khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định;

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan trong thực hiện tự kiểm tra và kiểm tra văn bản.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH.

1. Hoàn thiện thể chế về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương của tỉnh tiếp tục nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng, hoàn thiện thể chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

- Sở Tư pháp là đầu mối tham mưu giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra, xử lý những văn bản có nội dung không còn phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của địa phương;

- Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh căn cứ Quy chế kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND có trách nhiệm chủ động phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tự kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình;

- HĐND, UBND các huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn chỉ đạo Ban Pháp chế, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch tự kiểm tra văn bản do HĐND, UBND cùng cấp ban hành theo quy định.

3. Kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền.

- Sở Tư pháp giúp Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành; kiến nghị cơ quan ban hành xử lý theo quy định đối với những văn bản có nội dung trái pháp luật.

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tư pháp và các đơn vị chuyên môn tổ chức kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp xã ban hành.

4. Công tác kiểm tra văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực.

4.1. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản quy định trong các lĩnh vực: *Tài chính; Tổ chức bộ máy, công chức, viên chức và công vụ; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*. Kiểm tra các chuyên đề khác theo yêu cầu, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh khi cần thiết;

b) Thành lập Đoàn kiểm tra để thực hiện kiểm tra công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn các huyện: *Đăk Glei; Ngọc Hồi; Đăk Tô; Đăk Hà và Thành phố Kon Tum.*

- Hoạt động của Đoàn kiểm tra tập trung đánh giá các nội dung sau:

+ Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị;

+ Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Hoạt động tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và việc thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

+ Việc chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

+ Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về lưu trữ, quản lý hồ sơ, tài liệu và thực hiện chế độ báo cáo về công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

+ Hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

+ Các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Kinh phí, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực...

4.2. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:

- Chỉ đạo tổ chức kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực trên địa bàn huyện, thành phố;

- Tổ chức kiểm tra theo địa bàn tại một số xã, phường, thị trấn.

5. Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

5.1. Rà soát, công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2015:

- Thường xuyên tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật;

- Rà soát, lập Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành hết hiệu lực một phần hoặc toàn bộ trong năm 2015 theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ để kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND các cấp công bố vào tháng 01/2016.

5.2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực: Tổ chức rà soát các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành quy định về *phí, lệ phí; đất đai; các văn bản có quy định về thủ tục hành chính...* để kịp thời hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Cấp tỉnh.

1.1. Sở Tư pháp:

- Có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này;

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các huyện, thành phố ban hành trong năm 2015;

- Hướng dẫn, đôn đốc các ngành, các địa phương rà soát, công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần trong năm 2015; tổng hợp kết quả rà soát của cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND công bố theo quy định;

- Thành lập Đoàn kiểm tra công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để tiến hành kiểm tra tại các địa bàn đã nêu tại Mục 4, phần II của Kế hoạch này;

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện việc kiểm tra, rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực được nêu tại điểm 4.1, Mục 4; điểm 5.2, mục 5, phần II của Kế hoạch này.

1.2. Các sở, ban, ngành: Phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành; kiểm tra văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành.

2. Cấp huyện.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; cung cấp thông tin, tư liệu, tài liệu cần thiết, kịp thời khi có yêu cầu phối hợp.

3. Báo cáo công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản

3.1. Thực hiện báo cáo 6 tháng, hằng năm:

- Báo cáo 06 tháng của các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố gửi về Sở Tư pháp trước ngày **15/5/2015** (số liệu báo cáo thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp);

- Báo cáo năm (lần một) của các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố gửi về Sở Tư pháp trước ngày **15/11/2015** (số liệu báo cáo thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp);

- Báo cáo năm chính thức của các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố gửi về Sở Tư pháp trước ngày **01/02/2016** (số liệu báo cáo được tính từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015).

3.2. Nội dung báo cáo: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 16 Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp.


IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm.

1. Đối với cấp tỉnh: Sở Tư pháp sử dụng nguồn kinh phí phục vụ công tác tự kiểm tra, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đã được UBND tỉnh giao dự toán đầu năm để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao;

2. Đối với cấp huyện: UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa theo quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp; định mức chi được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 25/4/2012 của UBND tỉnh Kon Tum.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận: 

- Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh (để p/hợp);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT-NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Xuân Lâm

